

Số: 01/2021/QĐST- KDTM

Đà Bắc, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank); Địa chỉ: số dd LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT ; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh T;

Bị đơn: Anh Lường Văn Đ, sinh năm yy;

Chị Hà Thị N, sinh năm yy;

Cùng trú tại: xóm T, xã TP, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lường Văn Đ và chị Hà Thị N nhận trả số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V N TV theo hai Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LN1803230575085 ngày 12/4/2018 và LN1901301233984 ngày 30/01/2019 (Do anh Lường Văn Đ và chị Hà Thị N cùng ký nhận nợ). Tổng số tiền anh Lường Văn Đ và chị Hà Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo

khế ước cho vay là 244.768.924đ (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 190.309.131^d (*Một trăm chín mươi triệu ba trăm linh chín nghìn một trăm ba mươi một đồng*); Tiền nợ lãi là 47.251.861^d (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi một nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*); Phí phạt: 7.207.932^d (*Bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*) tính đến ngày 03/6/2021.

Anh Lương Văn Đ và chị Hà Thị N tự nguyện nhận hoàn trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) chi phí tố tụng cho việc xác minh, thẩm định, xem xét tại chỗ cho Ngân hàng TMCP VNTV.

Anh Lương Văn Đ và chị Hà Thị N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh trước ngày 15/8/2021. Sau ngày 15/8/2021, anh Lương Văn Đ và chị Hà Thị N chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền gốc chậm trả theo hợp đồng tín dụng do các bên đã ký.

Về án phí: Anh Lương Văn Đ và chị Hà Thị N tự nguyện nộp 6.119.000^d (*Sáu triệu một trăm mười chín nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP VNTV được hoàn lại 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003422 ngày 23/4/2021.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Xa Văn Đăng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).